

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty : Công ty cổ phần Gạch Men Thanh Thanh

Năm báo cáo 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600 665643
- Vốn điều lệ: 59.923.480.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.923.480.000 đồng
- Địa chỉ: Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: 0251.3836066
- Số fax: 0251.3836305
- Website: www.thanhthanhceramic.com
- Mã cổ phiếu: TTC

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Trước năm 1975, Thanh Thanh thuộc sở hữu tư nhân, chủ yếu sản xuất gạch men 10cm x10cm theo công nghệ SACMI của Ý. Sau 1975, nhà máy được quốc hữu hóa vào ngày 1/7/1976 với tên Nhà máy Gạch Men Thanh Thanh.
- Năm 1993, nhà máy được thành lập lại theo quyết định số 34A/BXD – TCLD ngày 12/2/1993 của bộ trưởng Bộ Xây dựng, trực thuộc Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1. Sau đó Nhà máy được đổi tên thành Công Ty Gạch Men Thanh Thanh hạch toán độc lập theo Quyết định số 201/BXD-TCLĐ ngày 27/03/1995 và được Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước cho phép đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 10055 ngày 05/04/1995 với chức năng chính là sản xuất kinh doanh gạch men và vật liệu xây dựng.
- Công ty được chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quyết định số 1706/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Gạch Men Thanh Thanh thành Công ty Cổ phần, với vốn điều lệ lúc cổ phần hoá là 40 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000091 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế

Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 04 năm 2017.

- Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường vào ngày 08/08/2006
- Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm 1.992.348 cổ phiếu (tổng giá trị: mười chín tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng) vào ngày 20 tháng 03 năm 2008.
- Thương hiệu gạch men Thanh Thanh đã khẳng định được uy tín của mình đối với người tiêu dùng trong nước. Những cột mốc quan trọng đánh dấu các bước phát triển của Công ty được ghi nhận như sau:
 - ✓ Năm 1991 đầu tư trang bị máy ép PH 550 thay thế các thiết bị cũ nâng cao công suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm cạnh tranh với hàng ngoại nhập; năm 1993, đầu tư mới dây chuyền sản xuất gạch lát nền theo công nghệ mới (nung 01 lần) công suất 1 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 1995, tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền sản xuất gạch lát nền công suất 01 triệu m²/năm nâng tổng công suất sản xuất gạch lát nền của Công ty lên 02 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 1999, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch với công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu/năm;
 - ✓ Năm 2000, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch granit nhân tạo công suất 1,5 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 2003, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch ốp tường công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu m²/năm, nâng tổng công suất sản xuất gạch ốp tường của Công ty lên 02 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 2016-2017, đầu tư chiều sâu máy in kỹ thuật số, máy mài cạnh nhằm nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm hướng tới dòng sản phẩm cao cấp.
 - ✓ Đến hết năm 2018, Công ty có một tập thể trên 450 cán bộ - công nhân viên, trong đó có nhiều chuyên gia kỹ thuật công nghệ. Công ty đã xây dựng được hệ thống trên 100 nhà phân phối sản phẩm rộng khắp tại các tỉnh thành trong khu vực các tỉnh Miền Bắc, Miền Trung và các Đồng bằng Sông Cửu Long. Công ty cũng đã mở rộng xuất khẩu sang các nước Thái Lan, Campuchia, Yemen, Nam Triều Tiên, Pakistan v.v... Công ty có thể cung cấp ra thị trường các loại gạch ốp lát với mẫu mã phong phú, kích

thước đa dạng đạt chất lượng như: Gạch Granit mài và không mài bóng, gạch ceramic ốp tường và lát nền. Bằng hệ thống máy móc thiết bị được nhập từ các hãng nổi tiếng trên thế giới như SITI, B&T, Nasetti, System... các phân xưởng của Công ty có tổng cộng 5 dây chuyền sản xuất có công suất thiết kế với sản lượng 5,5tr m²/năm;

- ✓ Công ty đã được Chính phủ phong tặng Huân chương Lao động các hạng Nhất, Hai, Ba; đạt Huy chương vàng chất lượng Châu Âu tại Tây Ban Nha 1996; được Báo Sài Gòn Tiếp Thị bình chọn Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong 19 năm liền kể từ năm 1997.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất và kinh doanh gạch ceramic, granite
- Địa bàn kinh doanh: trong nước và một số quốc gia trong khu vực.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: từ ngày 02/01/2004 mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban kiểm soát và Hội đồng Quản Trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc, 01 trợ lý Tổng giám đốc và các trưởng phòng ban bộ phận chức năng.
- Các công ty có liên quan: Tổng công ty VLXD Số 1 – CTCP (nắm 51% vốn cổ phần của Công ty Thanh Thanh), Công ty CP Hóa An (nắm 7,8 % vốn cổ phần của Công ty Thanh Thanh), Công ty CP Bao Bì & KS Số 1 (Cty Thanh Thanh nắm giữ 24% vốn điều lệ), Công ty CP VLXD Cosevco (Công ty Thanh Thanh nắm giữ 4,6% vốn điều lệ).

5. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chủ yếu:

Đảm bảo sản lượng và chất lượng sản phẩm ở mức độ hợp lý để duy trì thị trường truyền thống, giữ vững thị phần, phát huy tối đa nguồn lực hiện có nhằm tạo đà phát triển cho giai đoạn sau.

b. Chiến lược trung – dài hạn:

- **Củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ:** Trong những năm tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc tiếp thị sản phẩm tới người tiêu dùng, mở rộng hệ thống phân phối, củng cố thị phần trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.
- **Tăng cường hoạt động marketing:** Công ty đã chú trọng phát triển đội ngũ nhân viên Marketing chuyên nghiệp nhằm nâng cao vị thế hương hiệu và tăng cường khả năng nắm bắt nhu cầu thị trường, đầu tư nghiên cứu phát triển các mẫu mã mới, đa dạng hoá sản phẩm, tạo sự gắn chặt chẽ giữa việc thiết kế mẫu mã với nhu cầu thị trường.
- **Đầu tư nâng cấp thiết bị và nghiên cứu kỹ thuật:** Tăng cường đầu tư đổi mới, nâng cấp thiết bị hiện đã cũ để nâng cao chất lượng sản phẩm, trong đó chú trọng vào đầu tư chiều sâu với các thiết bị in kỹ thuật số, máy mài cạnh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Mặt khác Công ty cũng đầu tư nghiên cứu về kỹ thuật nhằm đưa ra các giải pháp giảm chi phí như: tìm kiếm nguyên liệu thay thế, chuyển đổi việc sử dụng nhiên liệu đốt bằng than xich, khí CNG thay thế cho các nhiên liệu khác trong các thiết bị sấy phun v.v...
- **Phát triển nguồn nhân lực:** Thanh Thanh luôn xem yếu tố con người là tài sản quý giá nhất mang lại thành công cho Công ty, phát triển nguồn nhân lực là một trong mục tiêu được ưu tiên hàng đầu. Dù vậy, hiện nay Công ty vẫn còn thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, do đó trong những năm tới Công ty sẽ phải tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ cho người lao động trong Công ty, cung cấp điều kiện làm việc tốt và chế độ khen thưởng xứng đáng để nhân viên gắn bó và phát huy tối đa năng lực của mình.

c. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty:

Công ty tích cực áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải rắn; tăng cường các hoạt động xã hội do địa phương phát động; và hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, tuân thủ luật pháp và có đời sống văn hoá phong phú.

6. Các rủi ro

Hiện nay, rủi ro kinh doanh của công ty tập trung chủ yếu vào các yếu tố: nền kinh tế phát triển chậm nên nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước về VLXD vẫn ở mức thấp; cùng với sự xuất hiện của nhiều loại vật liệu thay thế là những nguyên nhân chính có thể làm sụt giảm sản lượng tiêu thụ của công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Thuận lợi :

- Thương hiệu *Thanh Thanh* được người tiêu dùng biết đến đã nhiều năm.
- Tình hình tài chính lành mạnh, tính thanh khoản cao.
- Có hệ thống đại lý phân phối sản phẩm ổn tương đối ổn định và đã đồng hành cùng với Công ty nhiều năm vừa qua.
- Có lực lượng lao động kỹ thuật có tay nghề, có kinh nghiệm, và nhiều lao động đã gắn bó nhiều năm với công ty, đây là nguồn nhân lực hết sức quý giá cho việc vận hành những máy móc, thiết bị đã lạc hậu, hư hỏng nhiều nhưng lại sản xuất được những loại sản phẩm có chất lượng cao .
- Tổ chức bộ máy ổn định, tinh gọn, kỷ cương. Các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường thực hiện tốt.

* Khó khăn

- Năm 2018, biến động về tăng giá CNG và một số nguyên liệu là một thách thức lớn nhất đối với Công ty phải gánh chịu.
- Cung cầu mất cân đối dẫn đến cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt là gạch giá rẻ từ phía Bắc tràn vào làm cho việc tiêu thụ sản phẩm càng thêm khó khăn.
- Thiết bị, máy móc đầu tư đã lâu thường xuyên hư hỏng, chi phí sửa chữa cao và chi phí nhân công cao. Thiết bị, máy móc lạc hậu, nên không thể sản xuất được một số sản phẩm cao cấp có kích thước lớn, do đó bất lợi về khả năng cạnh tranh.
- Công ty đã có chủ trương của tỉnh Đồng Nai di dời , nên khó khăn cho việc đầu tư chiều sâu cải tiến thiết bị nâng cao chất lượng cũng như đa dạng hóa sản phẩm.

- Kho bãi chật hẹp nên rất khó khăn trong việc dự trữ nguyên liệu vào mùa mưa, đặc biệt trong điều kiện Công ty sản xuất rất nhiều chủng loại sản phẩm.
- Hiện nay công ty sử dụng CNG tiết kiệm chi phí hơn so với LPG khá nhiều, nhưng vẫn cao hơn các đơn vị sử dụng khí hóa than và khí thấp áp. Khả năng cạnh tranh vẫn còn hạn chế.

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Trước những thuận lợi, khó khăn như trên, nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tăng cường công tác quản lý, kịp thời chuyển đổi sản phẩm mới, đưa ra những chính sách bán hàng phù hợp, năm 2018 đã đạt được kết quả:

Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 2018 (tr.đ)	Thực hiện 2018 (tr.đ)	TH 2018 / KH 2018 (%)
I. Chỉ tiêu tài chính			
1. Doanh thu	362.345	344.269	109,92
2. Giá vốn hàng bán	315.459	290.390	109,35
3. Lợi nhuận gộp	46.886	53.323	113,73
4. Doanh thu HĐTC		1.717	
5. Chi phí HĐTC		2.126	
6. Chi phí bán hàng	16.000	15.463	96,64
7. Chi phí Quản lý	15.000	19.131	127,54
8. Lợi nhuận từ SXKD	15.886	18.320	115,32
9. Lợi nhuận khác		412	
10. Lợi nhuận trước thuế	15.886	18.732	117,92
II Chỉ tiêu sản phẩm			
1. Sản phẩm sản xuất	4.800.000	5.389.375	112,28
- Gạch lát nền	525.000	580.424	110,56
- Gạch ốp tường	3.265.000	3.285.141	100,62
- Gạch Granite	1.010.000	1.523.810	150,87
2. Sản phẩm tiêu thụ	4.900.000	5.283.468	107,83
- Gạch lát nền	545.000	671.600	123,23
- Gạch ốp tường	3.325.000	3.282.672	98,73
- Gạch Granite	1.030.000	1.329.196	129,05

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

(1) Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Trần Hưng Lương Ngày sinh: 01/8/1962

Nơi sinh: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: Đường 1B, Bình Trị Đông B, Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0251.3834816

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 1984 – 1988: NV phòng Kỹ thuật XN Cơ khí sửa chữa máy thiết bị - TCT Xây dựng 1.

+ Từ 1988 – 2004: NV phòng Kỹ thuật, Phó phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện, Phó Giám đốc Công ty gạch bông và đá ốp lát số 1 (VITALY).

+ Từ 2004 – đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP gạch men Thanh Thanh .

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 14.350 cp

(2) Ông Lê Xuân Thái - Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Lê Xuân Thái Ngày sinh: 29/11/1970

Nơi sinh: Phú Xuyên, Hà Nội, (Hà Tây cũ)

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Cựu, TP.Huế, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: 16HV, KP1, Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0251.3836041

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat

Quá trình công tác:

- + Từ 1995 – 2002: NV phòng Kỹ thuật Công ty Gạch Men Thanh Thanh.
 - + Từ 2002 – 2009: Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh.
 - + Từ 2010 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 3.791 cp

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Huỳnh Văn Chử - Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Gạch Men ThanhThanh xin thôi việc kể từ ngày 22/08/2018.
- Ông Nguyễn Đức Lợi - Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Gạch Men Thanh Thanh xin thôi việc kể từ ngày 22/11/2018.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng lao động tại ngày 31/12/2018: 450 lao động
- Thu nhập bình quân người lao động: Trên 9 triệu đồng / người/ tháng
- Chính sách: Công ty trả lương cho người lao động dựa vào công sức đóng góp của người lao động, bảo đảm thu nhập ổn định để người lao động yên tâm công tác; các chính sách về nghỉ phép, lễ được thanh toán đầy đủ theo chính sách; các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được thực hiện đầy đủ theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2018 công ty đã đầu tư, mua sắm bao gồm:

- Đầu tư 02 máy ép cho Phân xưởng Ceramic, giá trị: 8.801.665.305 đồng (hiện đang triển khai thực hiện).
- Đầu tư mua cổ phiếu VTA: 1.715.900 CP, giá trị 11.427.575.701 đồng.

4. Tài chính

a. Tình hình tài chính:

Đvt: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	205.950.858	235.602.904	114,40
Doanh thu thuần	344.269.165	398.274.460	115,69
Lợi nhuận từ hoạt động KD	24.056.299	18.320.549	76,15
Lợi nhuận khác	475.255	412.419	86,64
Lợi nhuận trước thuế	24.531.555	18.732.968	76,36
Lợi nhuận sau thuế	19.652.318	15.067.512	76,67
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15	15	100

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,90	1,74	
<i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	1,01	0,87	
<i>Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho</i>			
<i>Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ / Tổng nguồn vốn	0,44	0,50	
- Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn	0,56	0,50	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	3,71	3,47	
<i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,67	1,69	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,06	0,04	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,17	0,13	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,10	0,06	
- Hệ số Lợi nhuận HĐKD / Doanh thu thuần	0,07	0,05	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần:	5.992.348 cp
Cổ phần đang lưu hành:	5.940.528 cp
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	5.885.100 cp
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu:	55.428 cp

b. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Trong nước	5.638.180	94,09
1	Cá nhân	2.058.741	34,36
2	Tổ chức	3.579.439	59,73
II	Nước ngoài	354.168	5,91
1	Cá nhân	309.180	5,16
2	Tổ chức	44.988	0,75
	Tổng cộng	5.992.348	100

Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	(%)
1	Tổng Công ty VLXD số 1- CTCP	Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	3.056.097	51
	Tổng cộng		3.056.097	51

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động sản - xuất kinh doanh

- Do giá CNG năm 2018 tăng bình quân : 2615 đồng/kg đã làm cho lợi nhuận năm 2018 giảm so với năm 2017.
- Để đối phó với việc tăng giá nhiên liệu (CNG), Ban điều hành Công ty đã có những giải pháp như sau:
- Kịp thời chuyển đổi sản phẩm mới, đưa ra nhiều chính sách bán hàng phù hợp, linh hoạt. Tăng giá bán và tăng sản lượng tiêu thụ những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh tốt hơn như : Ceramic 300x600, Granite...
- Tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm định mức sử dụng Gas, điện.
- Mặc dù lợi nhuận năm 2018 giảm so với năm 2017, nhưng xem xét khách quan, toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 thì kết quả sản xuất kinh doanh đạt được là điều đáng khích lệ trong một năm đầy khó khăn thách thức.
- Sản lượng sản xuất thực hiện năm 2018: 5.389.375 m² gạch, đạt 112,28% so KH năm 2018.
- Sản lượng tiêu thụ 5.283.468 m² gạch, đạt 107,83 % so với KH năm 2018;
- Doanh thu đạt 398,274 triệu đồng, đạt 109,92% so với KH năm 2018.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

Đvt: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2018 so với năm 2017	
			Tăng, giảm	Tỷ lệ %
Tài sản cố định	34.352.605	30.922.449	-3.430.156	90,01
1. Tài sản cố định hữu hình	34.352.605	30.922.449	-3.430.156	90,01
- Nguyên giá	264.696.736	265.913.795	1.217.059	100,46
- Giá trị hao mòn lũy kế	-230.344.131	-234.991.346	-4.647.215	102,02
2. Tài sản cố định vô hình	0	0	0	
- Nguyên giá	100.896	100.896	0	100,00
- Giá trị hao mòn lũy kế	-100.896	-100.896	0	100,00

Tài sản cố định năm 2018 so với năm 2017 tăng 1.217.059 ngàn đồng, tỷ lệ tăng 0,46% là do: trong năm 2018 Cty đầu tư lắp đặt trạm cân 100 tấn (thay thế cho trạm cân cũ) và mua thêm 1 xe huundai Santafe 7 chỗ .

Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị năm 2018 không đáng kể: 5.135.550 ngàn đồng là điểm thuận lợi nhưng đồng thời cũng là điểm bất lợi do máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư đã lâu, nay đã lạc hậu, phát sinh chi phí sửa chữa lớn.

(Trong năm công ty có thanh lý một số TSCĐ trị giá 488.334.535 đồng)

b. Tình hình nợ phải trả:

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,90	1,74	
<i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	1,01	0,87	
<i>Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho</i>			
<hr/> <i>Nợ ngắn hạn</i>			

Các chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh năm 2018 đạt lần lượt 1,74 % và 0,87% chứng tỏ Công ty có đầy đủ khả năng để thanh toán nợ đến hạn.

Công ty không vay nợ ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cân đối và điều chỉnh linh hoạt sản xuất kinh doanh theo diễn biến của thị trường để giảm hàng tồn kho, ổn định sản xuất và đảm bảo việc làm thu nhập ổn định cho người lao động;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý để tiết giảm tất cả những khoản mục chi phí trong sản xuất và tiêu thụ, đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tăng cường quản lý sản xuất để tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu.
- Đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động đều, ổn định.
- Cấu trúc lại chủng loại sản phẩm để thuận lợi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng hiệu quả kinh doanh. Cụ thể tăng sản xuất gạch ceramic 30x45, 30x60, gạch bán sứ và gạch granite, giảm sản xuất gạch ceramic 25x40, 40x40.
- Tăng cường kiểm soát qui trình công nghệ, kiểm soát chất lượng gạch tại các phân xưởng, tránh tình trạng phân nhiều lô, kịp thời thanh lý những mẫu tồn kho lâu ngày.
- Tăng cường quản lý các kho thành phẩm, nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng không để thất thoát, giảm tỷ lệ bể vỡ, kém phẩm cấp.
- Tìm nguồn nguyên nhiên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý nhằm giảm chi phí.
- Bổ sung và điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường theo từng thời điểm
- Phát triển mẫu mã mới phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của thị trường, đặc biệt các sản phẩm cao cấp ceramic 30x60, 30x45 ... bán sứ 30x60, 60x60
- Tổ chức tiếp thị đến tận các công trình.
- Tăng cường chăm sóc khách hàng , phát triển thêm đại lý tiêu thụ tại các khu vực TPHCM, Đà Nẵng, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Nguyên ..., và tìm thêm nhà nhập khẩu để tăng xuất khẩu.
- Tổ chức tốt thu hồi công nợ khách hàng.
- Đầu tư thêm vào mảng kinh doanh tài chính, chứng khoán.
- Tiến hành lập báo cáo khả thi dự án đầu tư nhà máy mới.
- Tiếp tục tìm kiếm dự án đầu tư mới theo hướng mua lại, sát nhập doanh nghiệp cũ (M&A), cải tạo nâng cấp để sản xuất các chủng loại gạch cao cấp có kích thước lớn nhằm tăng khả năng cạnh tranh, kết hợp di dời nhà máy ra khỏi Khu Công nghiệp Biên hòa theo chủ trương của Tỉnh Đồng Nai.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2018, biến động về việc tăng giá CNG và một số nguyên liệu là thách thức lớn nhất đối với Công ty cổ phần gạch men Thanh Thanh phải gánh chịu. Mặt khác, bên cạnh phải đối mặt với sự cạnh tranh của thị trường gạch men ngày càng khốc liệt hơn. Công ty còn với gặp phải những khó khăn như: Thiết bị, máy móc đầu tư đã lâu, thường xuyên hư hỏng, chi phí sửa chữa và chi phí nhân công nhiều đã làm cho giá thành sản phẩm cao.
- Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị đã có sự đánh giá đúng tình hình và kịp thời chỉ đạo Ban điều hành Công ty đề ra các giải pháp phù hợp, linh hoạt, chủ động đối phó với những khó khăn nêu trên, cộng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể người lao động, nên kết quả SXKD năm 2018 các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:
 - Lợi nhuận trước thuế là: 18,733 tỷ đồng (đạt 117,08% so với kế hoạch).
 - Doanh thu là: 398,274 tỷ đồng (đạt 109,92% so với kế hoạch) và đạt 115,7% so với năm 2017, doanh thu vượt cao, là do giá bán một số sản phẩm kích thước lớn như: SP 30*60, SP granit... cao hơn các dòng sản phẩm khác.
 - Tiếp tục khẳng định thương hiệu Thanh Thanh với thị trường bằng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
 - Tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, lành mạnh.
 - Cơ cấu tổ chức và năng lực của bộ máy tiếp tục được hoàn thiện hơn, tinh gọn và hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.
 - Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, động viên được người lao động gắn bó với Công ty.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Với sản phẩm gạch ốp lát, năm 2019 và trong các năm tới, mức độ cạnh tranh rất khốc liệt, nhất là giá. Nguồn nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất ngày càng khan hiếm và giá cũng tăng theo thời gian. Chi phí sửa chữa Thiết bị, máy móc lớn, làm cho chi phí giá thành sản phẩm cao. Trước tình hình đó, yêu cầu Công ty phải có chiến lược kinh doanh hợp lý để ổn định và đầu tư phát triển.

a. Định hướng của Công ty

Mục tiêu chính của năm 2019 vẫn là sản xuất với công suất hợp lý để duy trì thị trường, giữ vững thị phần và tạo việc làm ổn định cho người lao động. HĐQT đề ra chương trình công tác như sau:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tất cả các hoạt động trong Công ty, kịp thời tháo gỡ khó khăn để thực hiện tốt các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2019 và các nội dung được ĐHĐCĐ phê duyệt phù hợp nội lực của Công ty.
- Chỉ đạo các bộ phận liên quan duy trì hệ thống phân phối hiện nay, tăng cường mở rộng thị trường một số khu vực miền Đông nam bộ chưa có sản phẩm của Công ty. Mặt khác, phát triển những dòng sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao và tích cực tìm kiếm thêm thị trường xuất khẩu ra nước ngoài.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng việc cải tiến công nghệ, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.
- Đầu tư một số thiết bị bán tự động thay thế con người nhằm tinh giảm lao động.
- Thực hiện đánh giá hiệu quả dự án đầu tư, nghiên cứu, tính toán để đầu tư phù hợp, đảm bảo hoàn thành công tác đầu tư theo các mục tiêu đề ra.
- Chỉ đạo tổ chức kiểm tra việc tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế trong hoạt động SXKD của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phù hợp quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Hoàn thiện các quy định nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản, nguồn vốn.
- Chỉ đạo các công tác liên quan đến quan hệ cổ đông theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Đảm bảo thu nhập và điều kiện làm việc của người lao động. Tăng cường chỉ đạo xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

b. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của năm 2019.

- Doanh thu: 405.378 tỷ đồng
- Sản lượng sản xuất: 5.100.000 m²
- Sản lượng tiêu thụ: 5.200.000 m²
- Lợi nhuận trước thuế: 17 tỷ đồng
- Cổ tức: 15%

c. Công tác đầu tư:

- Tổ chức thực hiện đúng tiến độ việc đầu tư 2 máy ép cho Phân xưởng ceramic
- Tiếp tục nghiên cứu dự án đầu tư nhà máy mới, chuẩn bị di dời Công ty đến địa điểm mới theo chủ trương của tỉnh Đồng Nai.
- Tìm hiểu mua bán sát nhập một số Công ty làm ăn thua lỗ để cải tạo nâng cấp sản xuất các chủng loại gạch cao cấp có kích thước lớn, nhằm tăng khả năng cạnh tranh.
- Khi có phương án đầu tư, Công ty sẽ phát hành tăng vốn Điều lệ.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Sở hữu cá nhân	Sở hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ VĐL %
1	Phạm Thành Tuân	Chủ tịch	-	640.875	640.875	10,69
2	Trần Hưng Lương	Ủy viên	14.350	640.875	655.225	10,93
3	Võ Văn Tùng	Ủy viên		640.875	640.875	10,69
4	Võ Thị Thu Thủy	Ủy viên	11.000	-	11.000	0,18
5	Nguyễn Xuân Thắng	Ủy viên	-	640.875	640.875	10,69
	Tổng cộng		25.350	2.563.500	2.588.850	43,20

b. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:

• **Về quản lý theo chức năng nhiệm vụ trong điều lệ**

Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch công tác đề ra và tình hình của thị trường, tình hình thực tế của Công ty để chỉ đạo quyết liệt các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã họp 6 phiên toàn thể và tổ chức 10 lần lấy ý kiến các TV HĐQT. Ban hành 21 nghị quyết, 09 quyết định và một số văn bản quan trọng khác để quản lý các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi tình hình, giám sát các hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Ban điều hành hoặc làm việc trực tiếp với các bộ phận.

• **Về tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động đã đề ra**

- Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, HĐQT đã triển khai thực hiện các nội dung như sau:

+ **Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018**

HĐQT đã chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị, xây dựng tài liệu và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty vào ngày 26/4/2018.

+ **Chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018**

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So với KH năm	So với TH 2017
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	59,92	59,92	59,92	100%	100%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	344,27	362,34	398,27	109,92%	115,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	24,53	16,00	18,73	117,08%	76,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,65	12,80	15,07	117,72%	76,6%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	32,8	21,4	25,15	117,52%	76,6%

Đánh giá chung: việc giá CNG tăng đã làm cho lợi nhuận năm 2018 giảm so với năm 2017. Nhưng xem xét khách quan, toàn diện hoạt động SXKD của

Công ty năm 2018, thì kết quả đạt được là điều đáng khích lệ trong một năm đầy khó khăn, thách thức.

+ Công tác đầu tư

Năm 2018, Hội đồng quản trị đã phê duyệt đầu tư 02 máy ép cho Phân xưởng Ceramic, giá trị :8.801.665.305 đồng.

- Đầu tư mua cổ phiếu VTA: 1.715.900 CP, giá trị 11.427.575.701 đồng.

+ Giám sát và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn

Hội đồng quản trị đã theo sát tình hình biến động của nền kinh tế, chỉ đạo Ban Điều hành Công ty có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình biến động của thị trường và giá cả nguyên nhiên vật liệu. Cân đối và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất để giảm hàng tồn kho, đảm bảo việc làm cũng như thu nhập cho người lao động.

+ Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị

Năm 2018, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý phù hợp với tình hình thực tế của Công ty như sau:

- Ban hành thực hiện Quy chế chức năng, nhiệm vụ các Phòng, Phân xưởng (tháng 01 năm 2018).
- Ban hành thực hiện Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng (tháng 4 năm 2018);
- Ban hành thực hiện Quy chế quản trị Công ty (tháng 4 năm 2018).

+ Những công việc chưa thực hiện được năm 2018:

- Chưa thực hiện được việc đầu tư Nhà máy mới, Lý do là: Chưa lựa chọn được phương án đầu tư tối ưu và hiệu quả.
- Chưa thực hiện được việc mua bán doanh nghiệp khác(M&A) và đầu tư vào Công ty khác cùng ngành nghề, Lý do là: Chưa có Phương án tối ưu cho việc mua bán và đầu tư vào các Công ty cùng ngành nghề.
- Chưa thực hiện được việc phát hành tăng vốn điều lệ, Lý do là: Do chưa đầu tư Nhà máy mới và chưa mua bán doanh nghiệp khác(M&A) và đầu tư vào Công ty khác cùng ngành nghề, nên chưa cần phải tăng vốn điều lệ.

+ Các hoạt động khác

Ngoài hoạt động có trong kế hoạch năm, HĐQT thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, như sau:

Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán đối với tổ chức niêm yết. Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các tài liệu liên quan khác đã được công bố đúng hạn đến cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

Công tác chi trả cổ tức năm 2017 và tạm ứng cổ tức 2018

Thực hiện nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018, HĐQT đã thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2017 đúng quy định. HĐQT đã ban hành nghị quyết số 37/NQ-HĐQT, ngày 22/02/2019 về việc tạm ứng cổ tức năm 2018 vào ngày 28/03/2019.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Sở hữu cá nhân	Sở hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ % VDL
1	Hoàng Văn Vững	Trưởng ban				
2	Nguyễn Thừa Vũ	Thành viên	2.087		2.087	0,03
3	Lê Nguyễn Quốc Trung	Thành viên				
	Tổng cộng		2.087		2.087	0,03

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có ba thành viên, mỗi thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể và các thành viên hoạt động độc lập theo phương thức bán chuyên trách. Hàng tháng và quý thường xuyên trao đổi các vấn đề về quản lý và hoạt động

SXKD của công ty. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, xem xét các nghị quyết và có ý kiến với HĐQT, Ban điều hành về việc quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đvt: triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao 2018	Tiền lương 2018	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị				
1	Phạm Thành Tuấn	Chủ tịch	60	697,23	
2	Trần Hưng Lương	Thành viên	36	747,24	Kiểm TGD
3	Võ Văn Tùng	Thành viên	22.5		
4	Võ Thị Thu Thủy	Thành viên	36	386.61	Kiểm KTT
5	Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	36		
6	Lã Thái Hiệp	Thành viên	13.5		Từ nhiệm
II	Ban kiểm soát				
1	Hoàng Văn Vững	Trưởng ban	24		
2	Nguyễn Thừa Vũ	Thành viên	18	295,82	Kiểm TP. Kỹ thuật
3	Lê Nguyễn Quốc Trung	Thành viên	12		
4	Phạm Việt Thắng	Trưởng ban	12		Từ nhiệm
5	Nguyễn Hoàng Trung	Thành viên	6		Từ nhiệm
III	Ban giám đốc				
1	Lê Xuân Thái	P. TGD		446,8	
2	Nguyễn Đức Lợi	P.TGD		317,89	Xin thôi việc
3	Huỳnh Văn Chử	P.TGD		268,24	Xin thôi việc

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 220/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh*

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám Đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán :
1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của CT HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Tiến Trình

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán :
1806-2018-137-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

a. Bảng cân đối kế toán 2018:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199,773,972,893	166,719,713,861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20,474,544,467	15,478,476,589
1. Tiền	111	5.1	20,474,544,467	10,478,476,589
2. Các khoản tương đương tiền	112			5,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18,056,412,000	42,227,520,417
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	19,274,904,232	16,227,520,417
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1,218,492,232)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3		26,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61,834,012,308	30,611,249,311
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	38,565,441,475	31,406,117,682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23,135,002,012	96,623,962
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1,421,057,329	565,581,971
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1,287,488,508)	(1,457,074,304)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		99,392,384,118	78,180,957,529
1. Hàng tồn kho	141	5.7	109,281,652,932	90,862,448,943
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9,889,268,814)	(12,681,491,414)



V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,620,000	221,510,015
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	16,620,000	15,120,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13		206,390,015
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35,828,930,701	39,231,144,487
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85,700,000	85,700,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	85,700,000	85,700,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		30,922,449,077	34,352,605,087
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	30,922,449,077	34,352,605,087
- Nguyên giá	222		265,913,795,359	264,696,736,258
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234,991,346,282)	(230,344,131,171)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.1	-	-
- Nguyên giá	228		100,896,000	100,896,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100,896,000)	(100,896,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-



- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	4,820,781,624	4,792,839,400
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,920,000,000	1,920,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,030,000,000	3,030,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(129,218,376)	(157,160,600)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		235,602,903,594	205,950,858,348
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		118,707,832,893	91,256,774,412
I. Nợ ngắn hạn	310		114,972,832,893	87,521,774,412
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	40,426,864,122	34,254,053,994
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23,064,763,493	854,464,703
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.13	2,255,091,237	750,688,804
4. Phải trả người lao động	314		15,458,023,794	11,098,804,475
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5,631,946	2,544,423
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317			-



xây dựng			-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	23,794,029,713	21,106,933,126
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	4,000,000,000	13,919,410,390
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5,968,428,588	5,534,874,497
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,735,000,000	3,735,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	3,735,000,000	3,735,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116,895,070,701	114,694,083,936
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	116,895,070,701	114,694,083,936
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59,923,480,000	59,923,480,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			

			59,923,480,000	59,923,480,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313,744,700	313,744,700
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		14,054,939,829	14,054,939,829
5. Cổ phiếu quỹ	415		(652,100,000)	(652,100,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10,527,817,038	6,597,353,450
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32,727,189,134	34,456,665,957
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17,659,677,169	14,804,348,015
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15,067,511,965	19,652,317,942
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		235,602,903,594	205,950,858,348

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2018
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	402,014,211,250	347,010,005,332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3,739,751,475	2,740,840,827
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.18	398,274,459,775	344,269,164,505
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	344,951,001,694	290,389,838,283
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		53,323,458,081	53,879,326,222
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	1,717,433,854	2,183,121,841
7. Chi phí tài chính	22	5.21	2,126,403,200	872,231,086
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		802,794,867	613,364,668
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	5.22	15,463,113,392	15,531,633,153
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	19,130,826,798	15,602,284,621
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		18,320,548,545	24,056,299,203
12. Thu nhập khác	31	5.23	438,181,818	575,744,285
13. Chi phí khác	32	5.23	25,762,655	100,488,814
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		412,419,163	475,255,471
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		18,732,967,708	24,531,554,674
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	3,665,455,743	4,879,236,732
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		15,067,511,965	19,652,317,942
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61			
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	5.25	2,031	2,642
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18,732,967,708	24,531,554,674
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		5,135,549,646	4,922,329,137
- Các khoản dự phòng	03		(1,771,258,388)	(5,978,668)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		17,701,511	(186,697)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,094,999,242)	(1,773,678,282)
- Chi phí lãi vay	06		808,794,867	613,364,668
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20,828,756,102	28,287,404,832
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31,144,820,295)	(3,830,242,850)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18,419,203,989)	(4,882,292,847)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		38,918,891,368	5,514,517,990
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,500,000)	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(808,794,867)	(613,364,668)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,222,508,676)	(5,146,569,148)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			700,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5,743,125,909)	(1,611,150,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		407,693,734	18,418,303,309

tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,705,393,636)	(6,968,895,960)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	438,181,818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3,047,383,815)	(81,227,520,417)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	26,000,000,000	59,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,720,244,060	1,773,678,282
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	23,405,648,427	(27,422,738,095)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	79,384,810,821	87,911,668,242
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(89,304,221,211)	(85,160,195,279)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,910,792,000)	(8,910,792,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18,830,202,390)	(6,159,319,037)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	4,983,139,771	(15,163,753,823)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15,478,476,589	30,640,815,381
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12,928,107	1,415,031
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	20,474,544,467	15,478,476,589

Xác nhận của đại diện theo pháp luật



của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hưng Lương